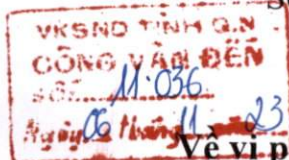


Số: 92/TB- VC1-DS

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023



THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM

Về vi phạm trong giải quyết vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”

Thông qua công tác kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” giữa: Nguyên đơn là ông Triệu Đình T với Bị đơn là Bà Hoàng Thị V, anh Đàm Văn G và 14 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong đó có ông Đàm Văn C, ông Đàm Văn L; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc thu thập đánh giá chứng cứ, giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cần rút kinh nghiệm.

Nội dung vụ án và quá trình giải quyết

Ông Triệu Đình T khởi kiện, cho rằng: Gia đình ông có khu đất trồng rừng tên gọi MGK thuộc thôn N, tại xã T, huyện B, tỉnh S. Từ năm 1980, gia đình ông đã phát rừng làm nương lúa, đến năm 1984 vợ chồng ông được ông H cho 24 cây Hôi giống và một số cây Chè về trồng trên sườn đồi. Hàng năm ông vẫn tiến hành tu bổ chăm sóc rừng Hôi, hái Chè, tu bổ cây Thông tự nhiên, cây Sỡ do Trường phổ thông dân tộc nội trú bán trú xã T trồng theo chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Tuy nhiên, gia đình ông T chưa kê khai đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với diện tích này. Từ năm 2006 đến năm 2017 đã xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông với hộ gia đình bà Hoàng Thị V có con trai là anh Đàm Văn G, diện tích tranh chấp khoảng 5.000m² thuộc một phần thửa đất 547, tờ bản đồ số 02 do xã T đo đạc năm 2008. Sau khi xảy ra tranh chấp, ông T phát hiện: Năm 2004, bà Hoàng Thị V đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 20.000m² tại thửa 736 trùng lên diện tích ông T đã trồng Hôi và Chè từ năm 1984 (nay thửa 736 đã đổi thành thửa 547 bản đồ đất lâm nghiệp số 02 xã T). Ủy ban nhân xã T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do đó, ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận quyền quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và các tài sản trên đất cho ông T.

Bị đơn là bà Hoàng Thị V và anh Đàm Văn G khai nhận: Năm 1994, bà V và chồng là ông Đàm Văn D được gia đình nhà chồng chia cho khu đất tên MGK đã

được giao sổ bìa xanh lô số 24, diện tích là 2,0 ha bao gồm cả phần đất đang xảy ra tranh chấp. Sau khi ông D chết, năm 2004 bà V đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số W929409 ngày 29/9/2004 theo Quyết định số 1515/QĐ-UB ngày 29/9/2004 đối với thửa đất số 736, diện tích 20.000m² mang tên Hoàng Thị V. Hiện nay, bà V đang tạm giao cho con trai là Đàm Văn G trực tiếp quản lý, sử dụng thì phát sinh tranh chấp với gia đình ông Triệu Đình T. Trên phần đất tranh chấp gia đình bà đã trồng cây Hối từ năm 1994-1995; cây Sờ do Trường Phổ thông dân tộc nội trú bán trú xã T trồng; cây tạp do gia đình khoanh nuôi và quản lý canh tác. Do đó, gia đình bà không chấp nhận nội dung khởi kiện của Nguyên đơn. Bà Hoàng Thị V có đơn phản tố, yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại là 1.840.000 đồng đối với số cây Sờ mà ông T đã chặt phá nằm trong diện tích đất tranh chấp.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh S tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cụ thể: Ông Triệu Đình T và bà Lý Thị P (vợ ông T) được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp tổng là 4.454,6m² gồm: (đỉnh thửa A, B, B1, C, D, E, F, G, H, O, L, M, N) tại địa danh P, thôn N, nay là thôn K, xã T, huyện B, diện tích đất tranh chấp thuộc một phần của các thửa đất số 734 và 735 bản đồ cấp đất lâm nghiệp năm 2000, nay thuộc thửa 547 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp diện tích S2 = 3898,1m²; thuộc một phần thửa 546 diện tích S1 = 100,7m²; thuộc một phần thửa 615 diện tích S3 = 455,8m², tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T. Có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đất của ông Đàm Văn L, ngăn cách bằng khe cạn, phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất 547 tờ bản đồ 02 mang tên Đàm Văn G, phía Nam giáp đường quốc lộ 279 tại thửa đất số 330 và giáp tà luy dương nền đất của Đàm Văn G san ủi năm 2014, phía Tây giáp đất ông Hoàng Văn X tại khe cạn (như sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 17/7/2020 kèm theo và sơ họa chồng ghép giám định bản đồ). Ông Triệu Đình T và bà Lý Thị P có quyền sở hữu đối với toàn bộ các tài sản trên đất tranh chấp.

Ông Triệu Đình T và bà Lý Thị P được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Buộc bà Hoàng Thị V và anh Đàm Văn G chấm dứt hành vi tranh chấp tại các diện tích và các tài sản trên đất nêu trên.

3. Bác yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị hủy một phần diện tích tại thửa 736 theo GCNQSDĐ số W929409 ngày 29/9/2004 đã cấp cho hộ bà Hoàng Thị V vì không có căn cứ.

4. Hủy một phần GCNQSDĐ số 1516/QĐ-UBND cấp ngày 29/9/2004 của Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho hộ ông Đàm Văn C đối với phần diện tích đất tranh chấp 2561,6m² thuộc thửa 734, nay là thuộc một phần thửa đất 546 và 547 (đỉnh thửa B1, C, D, E, F) (như sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 17/7/2020 kèm theo và sơ họa chồng ghép bản đồ).

5. Hủy một phần diện tích đất $1893m^2$ tại điểm N, A, B, B1, O, L, M, theo Quyết định số 45/UB-QĐ ngày 05/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (bìa xanh) đã cấp cho hộ Đàm Văn L tại lô số 25 bản đồ giao đất năm 1994 của Hạt Kiểm lâm huyện B, tỉnh S.

6. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đàm Văn L số AG923320, do UBND huyện Bình Gia cấp ngày 20/11/2009 đối với phần diện tích thửa 546 diện tích là $100,7m^2$ (đỉnh thửa c, D, E).

7. Đình chỉ giải quyết đối với diện tích $71,6m^2$ thuộc một phần thửa 330, tờ bản đồ 02 do Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

8. Diện tích $71,6m^2$ (đỉnh thửa H, K, L) thuộc một phần thửa 330, tờ bản đồ 02 Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh S tiếp tục quản lý (như sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 17/7/2020 và sơ họa chồng ghép bản đồ).

9. Bác yêu cầu phản tố của bà Hoàng Thị V yêu cầu ông Triệu Đình T bồi thường thiệt hại về cây sở bị chặt phá vì không có căn cứ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/7/2021, bị đơn là bà Hoàng Thị V và anh Đàm Văn G, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đàm Văn C và ông Đàm Văn L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2022/DS-PT ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị V và anh Đàm Văn G, ông Đàm Văn C, ông Đàm Văn L: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh S, giao Hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh S để xét xử sơ thẩm lại theo theo thủ tục chung.

Vi phạm cần rút kinh nghiệm

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong Hồ sơ vụ án, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn - ông Triệu Đình T không cung cấp được tài liệu chứng minh ông T được Nhà nước giao đất hoặc được nhận chuyển nhượng, thừa kế đối với diện tích đất đang tranh chấp. Ông T cũng không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với Nhà nước. Tại Biên bản hòa giải ngày 21/8/2020, ông T trình bày: Từ năm 1984 đến năm 2004 ông T không canh tác mà để cho cây mọc tự nhiên, do cây Sở không có giá trị nên ông không thu hoạch. Năm 2004 xảy ra tranh chấp ông T cũng không canh tác gì, mặc dù gia đình ông T ở đối diện với mảnh đất đang tranh chấp.

Bị đơn bà Hoàng Thị V trình bày: Diện tích đất tranh chấp, gia đình bà đã được UBND huyện B giao hồ sơ về quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng từ năm 1994 mang tên ông Đàm Văn D (chồng bà V). Đến năm 2004 bà V được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ đối với $20.000m^2$ tại thửa 736 nay là thửa 547 đứng tên bà Hoàng Thị V.

Theo Văn bản trình bày của Trường phổ thông dân tộc nội trú bán trú xã T xác nhận: Cây Sở trồng trên diện tích đất tranh chấp là do học sinh cấp 2 xã T trồng

theo chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc vào năm 1977-1978.

Như vậy, mặc dù trong Hồ sơ vụ án có các tài liệu, chứng cứ như đã nêu trên, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá để xác minh thu thập chứng cứ mà chỉ dựa vào lời khai của ông Triệu Đình T và kết quả giám định độ tuổi của 02 cây Hối có độ tuổi 37,38 +1, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là chưa đủ căn cứ.

Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần GCNQSDĐ số 1516/QĐ-UBND do UBND huyện B cấp ngày 29/9/2004 cho hộ ông Đàm Văn C; hủy một phần GCNQSDĐ số AG 923320 do UBND huyện B cấp ngày 20/11/2009 đối với diện tích đất 100,7m² thửa đất 546 và hủy một phần diện tích đất 1893m² do UBND huyện B cấp cho hộ ông Đàm Văn L theo Quyết định số 45/UB-QĐ ngày 05/4/1994 của UBND huyện B là vượt quá phạm vi khởi kiện của Nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T vẫn khẳng định ông T không khởi kiện đối với diện tích đất của ông C và ông L vì không liên quan đến diện tích đất tranh chấp. Bản án phúc thẩm số 25/2022/DS-PT ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định Tòa án cấp sơ thẩm không những chưa thu thập, xác minh chứng cứ một cách đầy đủ mà còn giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, gây bất lợi cho Bị đơn (hộ gia đình bà Hoàng Thị V) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Đàm Văn C, ông Đàm Văn L). Từ đó, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Để tăng cường kỹ năng nhận diện, phát hiện và xử lý vi phạm nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự về tranh chấp quyền sử dụng đất, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo dạng vi phạm đã phát hiện để các đơn vị trong toàn Ngành cùng tham khảo và rút kinh nghiệm./. *Thư*

Nơi nhận:

- VKSND 28 tỉnh, thành phố trong khu vực;
- Các Viện nghiệp vụ 1, 2, 3, VP VC1;
- Các đ/c Lãnh đạo VC1;
- VC2, VC3;
- Vụ 9, Vụ 10, Văn phòng VKSNDTC;
- Lưu: VT, HSKS, V4.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Phạm Thị Minh Yến